

Số: 12/2022/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quan hệ lao động và Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, viên chức, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29

tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên (sau đây gọi chung là người quản lý).
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng quy định tại Thông tư này.

Chương II

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 3. Quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương, tạm ứng quỹ tiền lương, phân phối tiền lương, tiền thưởng

1. Quỹ thực hiện quản lý lao động theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH).

2. Viên chức và người lao động được hưởng tiền lương, tiền thưởng từ quỹ tiền lương, tiền thưởng do Quỹ xác định theo quy định sau:

a) Quỹ tiền lương (kế hoạch và thực hiện), việc tạm ứng và phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với viên chức và người lao động được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 13 Mục 3 và Mục 4 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH.

b) Khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện để tính quỹ tiền lương (kế hoạch và thực hiện) theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH thì chỉ tiêu lợi nhuận (lợi nhuận kế hoạch, lợi nhuận thực hiện trong năm và lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề) được tính bằng chỉ tiêu chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí (sau đây gọi tắt là chênh lệch thu trừ chi) của Quỹ.

Điều 4. Loại trừ các yếu tố khách quan khi xác định quỹ tiền lương của viên chức và người lao động

1. Khi xác định quỹ tiền lương (kế hoạch và thực hiện) của viên chức và người lao động, nếu có yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi thì phải xác định loại trừ, bảo đảm tiền lương gắn với năng suất lao động, hiệu quả hoạt động thực sự của Quỹ.

2. Các yếu tố khách quan để loại trừ khi xác định quỹ tiền lương, bao gồm các yếu tố quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và khoản 3 Điều 44 Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg.

3. Việc loại trừ ảnh hưởng của yếu tố khách quan đến năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi của Quỹ phải được lượng hóa bằng giá trị cụ thể.

Chương III

TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 5. Xếp lương, chuyển xếp lương đối với người quản lý Quỹ chuyên trách

1. Quỹ thực hiện việc xếp lương, chuyển xếp lương đối với người quản lý chuyên trách theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH), trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý xếp lương theo chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên;

b) Thành viên Hội đồng quản lý xếp lương theo chức danh thành viên Hội đồng thành viên.

2. Quỹ tạm thời áp dụng tiêu chuẩn xếp hạng đối với nhóm Công ty tài chính (số 56. Công ty tài chính) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2005 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn xếp hạng và xếp lương đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước để định hạng Quỹ.

3. Khi áp dụng tiêu chuẩn xếp hạng đối với nhóm Công ty tài chính để định hạng Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu trừ chi.

Điều 6. Xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng

1. Việc xác định mức tiền lương bình quân, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện; quỹ tiền thưởng; trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 3, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18 và tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Khi xác định mức tiền lương bình quân, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì chỉ tiêu lợi nhuận (lợi nhuận kế hoạch, lợi nhuận thực hiện trong năm và lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề) được tính bằng chỉ tiêu chênh lệch thu trừ chi, trong đó:

a) Trường hợp Quỹ bảo đảm đủ các điều kiện: bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp thuế và các khoản nộp ngân sách, trích quỹ dự phòng rủi ro theo đúng quy định của pháp luật; có tăng trưởng về dư nợ cho vay; năng suất lao động bình quân không giảm và chênh lệch thu trừ chi kế hoạch cao hơn thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách được xác định như sau:

$$\mathbf{TL_{bqkh} = TL_{cb} \times (1 + H_{ln})}$$

Trong đó:

- TL_{bqkh} : Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách;
- TL_{cb} : Mức lương cơ bản của người quản lý chuyên trách được xác định theo khoản 1 Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH;
- H_{ln} : Hệ số lương tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với mức chênh lệch thu trừ chi như sau: mức chênh lệch dưới 03 tỷ đồng thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,1; mức chênh lệch từ 03 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,3; mức chênh lệch từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,5; mức chênh lệch từ 20 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,7; mức chênh lệch từ 30 tỷ đồng trở lên thì H_{ln} được tính tối đa bằng 1,0.

b) Trường hợp Quỹ không có tăng trưởng dư nợ cho vay thì mức tiền

lương bình quân được xác định không vượt quá mức lương cơ bản.

Điều 7. Loại trừ yếu tố khách quan khi xác định tiền lương, thù lao

1. Khi xác định quỹ tiền lương, quỹ thù lao (kế hoạch và thực hiện) của người quản lý, nếu có yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi thì phải xác định loại trừ, bảo đảm tiền lương gắn với năng suất lao động, hiệu quả hoạt động thực sự của Quỹ.

2. Các yếu tố khách quan để loại trừ khi xác định quỹ tiền lương, quỹ thù lao bao gồm các yếu tố quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH và khoản 3 Điều 44 Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg.

3. Việc loại trừ ảnh hưởng của yếu tố khách quan đến năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi của Quỹ phải được lượng hóa bằng giá trị cụ thể.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Quỹ:

a) Hội đồng quản lý có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 18, khoản 4 Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBX; Điều 20, khoản 4 Điều 25 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH. Khi gửi báo cáo tiền lương, tiền thưởng cho cơ quan đại diện chủ sở hữu thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra và giám sát chung;

b) Giám đốc Quỹ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH;

c) Kiểm soát viên có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 19 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH, Điều 21 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Quỹ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 20 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH; Điều 19, Điều 22 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH. Khi gửi ý kiến cho Quỹ về quỹ tiền lương, tiền thưởng hàng năm thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, giám sát chung.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Sở Tài chính tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục QHLĐTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh